

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THỊ XÃ BỈM SƠN

Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

TỈNH THANH HÓA

Số:76/2019/QĐST-HNGĐ

Bỉm sơn, ngày 23 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29; Điều 397; Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84/ Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 1, 3 Điều 37 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 104/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Chị Lưu Thị Ngọc A - sinh năm 1998

Nơi ĐKNKTT: Thôn 6, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã T, huyện T, TP Hải Phòng

2/ Anh Nguyễn Duy C - sinh năm 1994

Trú tại: Thôn 6, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lưu Thị Ngọc A và anh Nguyễn Duy C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn được 3 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Năm 2017 chị Ánh đã cùng con

về nhà mẹ đẻ ở. Đến nay chị A, anh C đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lưu Thị Ngọc A và anh Nguyễn Duy C.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Nguyễn Ngọc Ngân K(nữ) sinh ngày 23/11/2016. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu K cho chị Ánh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên. Anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ(hai triệu đồng) cho đến khi cháu Khánh đến tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn: Lệ phí Ly hôn sơ thẩm chị Lưu Thị Ngọc A và anh Nguyễn Duy C mỗi người nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Duy C nộp thay phần lệ phí ly hôn cho chị Lưu Thị Ngọc A.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành , không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Thị Ngọc A và anh Nguyễn Duy C

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Nguyễn Ngọc Ngân K(nữ) sinh ngày 23/11/2016. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu K cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên. Anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ(hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đến tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự(23/9/2019).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Ly hôn sơ thẩm: Chị Lưu Thị Ngọc A và anh Nguyễn Duy C mỗi người nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Duy C nộp thay lệ phí ly hôn cho chị Lưu Thị Ngọc A nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0000965 ngày 23/8/2019. Nh- vậy, chị Lưu Thị Ngọc A và anh Nguyễn Duy C đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát;
- Đ- ơng s- ;
- Giám đốc án;
- UBND xã Quang Trung(2016)
- Chi cục thi hành án;
- L- u Hồ sơ

THẨM PHÁN

LƯU THỊ LAN

